TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 24/5/2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn

2. Ông Nguyễn Văn Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp Thị 2, xã Hội A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1982: địa chỉ: ấp Kiến Quới 1, xã Kiến T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày,* do chỗ quen biết với vợ chồng ông N, bà T vào ngày 29/01/2021 vợ chồng ông N, bà T có đến nhà bà vay số tiền 65.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để đáo nợ Ngân Hàng, thời hạn vay trong vòng 03 ngày sẽ trả lại, ông N, bà T trực tiếp nhận tiền và cùng ký tên vào biên nhận nợ. Khi vay xong ông N, bà T cũng không đóng lãi, không trả vốn. Bà có điện thoại nhiều lần nhưng cứ hứa mà không thựa hiện. Nay bà yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày 29/01/2021, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 29/01/2021, ông Nguyễn Văn N có đến nhà bà Phạm Thị Mỹ H vay số tiền 65.000.000đồng để đáo nợ Ngân hàng, thời hạn vay là 03 ngày, lãi suất 05%/tháng. Bà H đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng đến nay ông N và bà T vẫn chưa trả nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T, ông N trả số tiền 65.000.000đồng và tính lãi suất từ ngày 29/01/2021 cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Phía ông N, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H với ông N, bà T xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện tại Biên nhận nợ ngày 29/01/2021, với nội dung vợ chồng bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn N vay của bà Phạm Thị Mỹ H số tiền 65.000.000đồng, thời hạn 03 ngày, lãi suất 03%/tháng (ông N, bà T có ký tên). Tuy nhiên, từ lúc vay tiền bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N trả tiền nhưng đến nay vợ chồng ông vẫn chưa thực hiện nên bà H khởi kiện yêu cầu ông N, bà T trả lại số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, tại biên nhận nợ, mức lãi suất là 3%/tháng, nhưng khi khởi kiện bà H cho rằng thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 29/01/2021 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật là thấp hơn mức lãi suất theo Biên nhận nợ nên có cơ sở xem xét. Thấy rằng, ông N, bà T đã vay bà H 65.000.000đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn cũng như lãi suất theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến lợi ích của bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu trả vốn và lãi suất là phù

hợp theo Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do thỏa thuận theo biên nhận nợ là 3%/tháng, tương đương 36%/năm, là vượt quá mức lãi suất theo quy định. Vì vậy, phần lãi suất vượt quá không được chấp nhận mà chỉ có căn cứ chấp nhận với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị Mỹ H với ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Kim T.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H.

- Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Kim T trả bà Phạm Thị Mỹ H 65.000.000đồng và tính lãi suất 20%/năm, từ ngày 29/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị Kim T có nghĩa vụ trả số tiền vay 65.000.000 đồng. Ông N, bà T cư trú ấp Kiến Quới 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị Kim T được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời trình bày của bà H tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa ông N, bà T có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 29/01/2021 ông N, bà T có đến nhà bà H để vay số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để đáo nợ Ngân Hàng, hẹn thời gian trả trong vòng 03 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, sau đó không đóng lãi và cũng không trả vốn, bà H có nhắc nhở ông N, bà T nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho bà. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà H có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà

H. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông N, bà T vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, bà H xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ ngày 29/01/2021 giữa bà H với ông N, bà T.

Như vậy, lời khai và lời trình bày của bà H phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà bà đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 29/01/2021cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông N, bà T nhận thấy, giữa ông N, bà T với bà H cùng xác lập hợp đồng vay với nhau, nhưng ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc ông N, bà T có nghĩa vụ trả số tiền vay 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) cho đến ngày 24/5/2022 số tiền lãi được tính như sau:

Ngày 29/01/2021 đến ngày 24/5/2022 là 480 ngày x lãi suất 20%/năm = 17.333.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H.

Buộc ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số tiền vốn vay 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 17.333.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 82.333.000 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị Kim T phải chịu 4.116.650 đồng (bốn triệu một trăm mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn